**Tiết 4: Tiếng Việt**

**T57+58 : ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HKI ( T1+2)**

**I. Yêu cầu cần đạt.**

**1. Kiến thức:**

- Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ 1 câu chuyện hay 1 bài đọc trong chủ đề Thế giới tuổi thơ và Thiên nhiên kỳ thú tốc độ 90-100 tiếng /phút.sử dụng được từ điển Tiếng Việt để tìm từ , biết cách dùng từ.Ghi chép vắn tắt được ý tưởng, chi tiết quan trọng vào phiếu đọc sách. Biết lướt, đọc kĩ, đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp nhân rộng từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật.Nhận biết tìm xếp từ đồng nghĩa theo nhóm và đặt câu với từ vừa tìm.Biết viết đoạn văn ngắn có dùng từ đồng nghĩa tả màu sắc

- Đọc hiểu: Nhận biết được các sự kiện gắn với thời gian, không gian xảy ra câu chuyện trong văn bản tự sự. Hiểu suy nghĩ cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật. Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian địa điểm cụ thể. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện đọc.

**2. Năng lực:**

- Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất:**

- Biết yêu quê hương thông qua những hoạt động cảnh vật thiên nhiên đất nước.

- Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Bài giảng điện tử

**III. Hoạt động dạy học chủ yếu:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3-5’)**- GV giới thiệu bài hát “Quê hương tươi đẹp” Sáng tác: dân ca Nùng, lời Anh Hoàng để khởi động bài học. - GV cùng trao đổi với HS về ND bài bát:+ Lời bài hát nhắc đến quê hương có cảnh đẹp nào?+ Để quê hương luôn mãi tươi đẹp, chúng ta cần làm gì?- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV nhắc HS và dẫn dắt vào bài mới. | - HS lắng nghe bài hát.- HS trao đổi về ND bài hát với GV.+ Đồng lúa xanh, cánh rừng ngàn cây.+ Chúng em cần chăm ngoan học tập, vâng lời thầy cô, giữ gìn bảo tồn danh lam thắng cảnh của quê hương,- HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động Luyện tập**  |
| **Tiết 1** |
| **Bài 1/ 80/ M (13-15’)**- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài 1 trang 80 rồi chọn 1 trong 2 nhiệm vụ làm cá nhân.- Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh mình hoạ + Chọn Đọc 1 câu chuyện trong chủ đề Tuổi thơ của em và Tóm tắt nội dung chuyện vừa đọc, nêu 1,2 chi tiết mình thích+ Chọn đọc 1 bài trong chủ đề Thiên nhiên kì thú và nêu cảnh vật nào được giới thiệu và nhắc dến trong bài, hình ảnh nào em nhớ nhất?\*GV nhận xét tuyên dương  | - HS đọc thầm cá nhân. Đọc nối tiếp nhóm bàn, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ.- HS nối tiếp trả lời câu hỏi theo yêu cầu trong bài, lớp theo dõi nhận xét bổ sung. |
| **Bài 2/81 (6-7’) PHT****Trò chơi: Tìm từ đồng nghĩa.**- Bài yêu cầu gì?- YC HS làm PHT- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi.- GV mở rộng cho Hs tìm thêm những từ khác ngoài sách GK theo các nhóm từ vừa tìm.- GV nhận xét, tuyên dương=> GV nhận xét và chốt: Thế nào là từ đồng nghĩa?+GV lưu ý tuỳ theo văn cảnh để sử dụng linh hoạt phù hợp khi nói và viết để có câu văn hay đoạn văn hay hợp nghĩa theo chủ đề,nội dung mà không lặp từ. | - HS đọc yêu cầu.- HS làm việc cá nhân vào PHT- Đại diện các nhóm chơi TC tiếp sức+ Nhóm 1: (**Chăm chỉ**):siêng năng, chịu khó, cần mẫn. chuyên cần, cần cù.+ Nhóm 2: (**Chăm sóc**) Chăm chút, chăm lo. Trông nom. Săn sóc+ Nhóm 3(**che chở**) bênh, bênh vực, bảo vệ- Nhận xét và bổ sung (nếu có)+ HS có thể tự nêu thêm những từ đồng nghĩa khác ngoài các từ trong sách  |
| **Bài 3/81/V (7-8’)**- Bài yêu cầu gì?- GV cho học sinh thực hiện cá nhânV=> Chốt: GV nhận xét củng cố lưu ý khi đặt câu đúng đủ thành phần chính mở rộng thêm trạng ngữ, dùng từ ghép từ láy, dùng hình ảnh so sánh, nhân hoá để câu văn hay giàu hình ảnh hơn | - HS đọc yêu cầu bài: Đặt 2, 3 câu có từ đồng nghĩa vừa tìm được ở bài 2- HS làm V- soi V- chia sẻ- nhận xét.+ / Hàng ngày , mẹ *chăm chút* anh chị em tôi tùng li tùng tí, tùng miếng ăn, giấc ngủ.+/ Mùa hè cũng như mùa đông, Bố tôi *cần mẫn* làm việc không biết mệt mỏi để chăm lo cho cả gia đình tôi no ấm đủ đầy.+/ Trong các câu chuyện cổ tích, người ăn ở hiện lành thường được ông bụt, bà tiên *bênh vực, giúp đỡ.* |
| **Tiết 2** |
| **Bài 4/N (7-8’)****-** Bài yêu cầu gì?- Gọi HS đọc đoạn văn**-** GV yêu cầu HS làm VBT- Gọi HS trả lời M. GV khuyến khích HS trả lời theo ý riêng của mình, động viên HS tìm thêm các từ chỉ màu sắc ngoài trong đoạn văn, đặt câu để mở rộng và rõ về nghĩa của các từ đó.+ Những từ ngữ chỉ màu vàng (màu lúa chín), vàng xuộm( nắng) vắng hoe (chùm quả xoan) vàng lịm (lá mít tàu lá chuối) vàng ối (tàu đu đủ, lá sắn héo) vàng tươi( buồng chuối) vàng (rơm) vàng mới (bụi mía) vàng xọng (rơm và thóc) vàng giòn (con gà, con chó )vàng mượt.+ Những từ chỉ màu sắc khác: đỏ, đỏ chói.+ Nhận xét cách sử dụng từ ngữ chỉ màu sắc. Từ ngữ phong phú, mới mẻ gây ấn tượng, thể hiện sự cảm nhận tinh tế của nhà văn, các màu sắc của sự vật, hiện tượng. Nhiều từ ngữ chỉ màu vàng gợi nên nét đẹp riêng cho làng quê vào ngày mùa.**+ Tìm thêm từ chỉ màu vàng ngoài các từ trong sách:**+ Vàng rực( có màu vàng trông bừng lên như tỏa ánh sáng ra xung quanh). Những đóa hoa hướng dương vàng rực trong nắng.+ Vàng hươm (Có màu vàng tươi và đều nhìn đẹp mắt). Nong kén vàng hươm.+ Vàng óng (có màu vàng bóng mượt trông thích mắt). Sợi tơ vàng óng.\*Vàng xuộm, vàng ruộm, vàng rộ, vàng choé, vàng chói ,vàng khè, vàng ệch. | - Tìm từ ngữ chỉ màu sắc trong đoạn văn và nêu nhận xét về cách sử dụng từ ngữ chỉ màu sắc của nhà văn- Hs nối tiếp đọc đoạn văn- HS làm việc nhóm, liệt kê ghi ra các từ chỉ màu sắc vào vở bài tập*Từ ngữ chỉ màu sắc trong đoạn văn: vàng, vàng xuộm, vàng hoe, vàng lịm, vàng ối, vàng tươi, vàng xọng, trắng, vàng giòn, vàng mượt, vàng mới, đỏ, đỏ chói****.***- HS nối tiếp nêu. Lớp theo dõi nhận xétHs nối tiếp nêu nhận xét về cách dùng từ chỉ màu sắc của Tô Hoài*Cách dùng từ ngữ chỉ màu sắc của nhà văn đa dạng, phong phú. Từ một màu nhưng có thể có nhiều cách tả gắn với đặc trưng của vật đó, làm người đọc dễ hình dung rõ hơn về màu sắc của vật.* |
| **Bài 5/ V (18-20’)**- GV cho học sinh đọc nêu yêu cầu đề bài, làm việc cá nhân- GV gợi ý chọn cảnh tả thiên nhiên có nhiều màu xanh, công viên, vườn hoa, bầu trời, mặt biển, cánh đồng… - Gọi Hs nối tiếp đọc bài- lớp nhận xét, chú ý với cách dùng từ tả màu xanh.- GV nhận xét , tuyên dương học sinh và lưu ý HS khi viết văn nên sử dụng các biện pháp nghệ thuật để câu văn hay hơn, gợi tả hơn. | - Viết đoạn văn (3-5 câu) tả thiên nhiên trong đó có ít nhât 2 từ chỉ màu xanh- Nêu cảnh mình chọn tả* Viết đoạn tả vào vở
* Nối tiếp đọc bài
* Nhận xét bổ sung

Quê em có những triền đồi san sát những cây rừng xanh ngắt. Cánh rừng phủ xanh đồi trọc, vươn lên tận trời xanh trong. Thi thoảng, lưa thưa lại thấy những người lúi cúi, lọt thỏm giữa nền xanh biếc của lá cây, xanh non của cỏ dại, đang xới những cuốc đất để trồng rừng. Những con người trồng rừng lặng lẽ, cao cả. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm (3-5’)** |
| - GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu cảm xúc của mình sau khi học xong chủ đề Thế giới tuổi thơ và Thiên nhiên kỳ thú?- Nhận xét, tuyên dương.- GV nhận xét tiết dạy.- Dặn dò bài về nhà chuẩn bị bài tiết 3,4 | - HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình.- VD:+ Học xong 2 chủ đề, em thây rất thú vị vì đã giúp em biết thêm rất nhiều dnh lam tháng cảnh của đất nước, sự kỳ diệu của thiên nhiện tạo hoá.+ Em nhận thấy mình cần có ý thức bảo vệ và góp phần tôn tạo các cảnh quan thiên nhiên của đất nước.+ Tuyên truyền mọi người cùng nâng cao ý thức bảo tồn cảnh quan thiên nhiên của đất nước.qua các việc cụ thể, trông chăm sóc, cây, giữ vệ sinh hạn chế sử dụng rác thải nhựa,…- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |